

MỤC LỤC

ST T	Họ và tên	Tên đề tài	Kh Tra oa ng
1	Trần Bảo Nhân, Dương Thúy Vy	<u>Thiết bị hỗ trợ người khiếm thị</u>	Cô 3 ng ngh ệ T hôn g tin
2	Đỗ Thị Hoài, Bùi Thị Tâm	<u>Tổng hợp một số dẫn xuất pyrimidin dùng xúc tác montmorillonite trao đổi cation điều chế từ đất sét Lâm Đồng</u>	Hó 9 a học
3	Nguyễn Minh Chí, Trương Đình Phước, Trần Thị Thương, Phạm Thị Ngọc Liễu, Nguyễn Thị Lệ Giang	<u>Khảo sát hoạt tính kháng oxy hóa và khả năng hạ đường huyết của Dâm bụt (Hibiscus rosa-sinensis L.) trên mô hình chuột nhắt trắng (Mus musculus Var. Albino) bị tiểu đường</u>	Sin 17 h học
4	Huỳnh Đức Tài, Trần Nghiê m Thu ần, Lương Thụy Thùy Dương, Nguyễn Duy Diễm Hằng, Bùi Thị Kiều My	<u>Nghiên cứu hiệu quả bón silicate kali qua lá trên cây Dưa hấu (Cucumis melo L.) và cây cà chua (Lycopersicon esculentum Mill.) trồng trong nhà màng</u>	Sin 28 h học
5	Bùi Nhật Minh	<u>Sự hội tụ của hệ tọa gradient chứa số hạng giảm xác</u>	Toá35 n - Tin học
6	Bùi Thị Hòa,	<u>Định lý giá trị trung bình xấp xỉ và ứng dụng</u>	Toá43 n - Tin

- Trần Thị Tú Trinh học
- 7 Trần Dương Anh Tài [Thiết lập công thức tổng quát mô tả hiệu ứng Stark của nguyên tử Hydro trong điện trường tĩnh](#) Vật 51 lí
- 8 Phạm Vũ Trần Nguyễn Thị Hải Yến [Ứng dụng kỹ thuật Gama tán xạ để đo độ dày của vật liệu có Z thấp](#) Vật 63 lí
- Tô Xuân Phương
- Nguyễn Phạm Tường Minh
- 9 Trần Thúy Duyên, Trần Thị Hương Giang [Ứng dụng sơ đồ tư duy \(mind-map\) trong dạy - học Địa lí 11](#) Địa 74 lí
- 10 Trương Thị Thanh Tuyền, Nguyễn Đức Huy, Võ Thị Hải Yến [Đánh giá mức độ hiểu biết và năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu của sinh viên trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh](#) Địa 86 lí
- 11 Võ Thành Lộc, Dương Thủy Tiên [Hôn nhân và cuộc sống gia đình thời trung cổ ở châu Âu \(thế kỉ V đến thế kỉ XV\)](#) Lịch 98 h sử
- 12 Võ Thành Nam [Giáo dục tinh thần yêu lao động cho học sinh thông qua việc dạy học các bài lịch sử kinh tế văn hóa trong chương trình Lịch sử lớp 10 – Chương trình Chuẩn](#) Lịch 108 h sử
- 13 Đỗ Đình Linh Vũ, Đỗ Gia [Các hình thức rèn luyện kỹ năng viết sáng tạo cho học sinh trung học phổ](#) Ng 121 ữ văn

- Linh [thông](#)
- 14 Trần Khoa [Motif trùng phát](#) Ng 129
 Nguyễn [trong truyền cổ](#) ữ
[dân gian Đông](#) văn
[Nam Á](#)
- 15 Nguyễn [Ứng dụng phương](#) Tiế 141
 Thị Thùy [pháp học tập hợp](#) ng
 Dương, [tác để cải thiện kỹ](#) An
[năng nói tiếng Anh](#) h
 Nguyễn [của học sinh khối](#)
 Tuyết Nhi, [11 Trường THPT](#)
 Nguyễn [Bùi Thị Xuân, Q.1.](#)
 Ngọc [Thành phố Hồ Chí](#)
 Thanh [Minh: Nghiên cứu](#)
 Phương [hành động](#)
- 16 Nguyễn [Vai trò của Nhật](#) Tiế 150
 Minh [kí học tập trong](#) ng
 Ngọc, [quá trình hình](#) Phá
[thành năng lực dạy](#) P
 Phạm [học của sinh viên](#)
 Huỳnh Kim [năm 3. Khoa Tiếng](#)
 Toàn [Pháp Trường Đại](#)
[học Sư phạm](#)
[Thành phố Hồ Chí](#)
[Minh](#)
- 17 Nguyễn [Tính chính xác của](#) Tiế 160
 Thị Thu [Google Dịch trong](#) ng
 Hằng [hoạt động chuyển](#) Phá
[ngữ Pháp - Việt](#) p
- 18 Hồ Nhựt [Vận dụng phương](#) Tiế 172
 Nguyễn, [pháp trực quan](#) ng
[trong việc dạy chữ](#) Tru
 Lý Thế [Hán giai đoạn sơ](#) ng
 Phụng [cấp](#)
- 19 Trần Thị [Vận dụng tư tưởng](#) GD 180
 Tuyết Linh [Hồ Chí Minh về](#) Chí
[giáo dục trong việc](#) nh
[giáo dục đạo đức](#) trị
[của sinh viên](#)
[Trường Đại học Sư](#)
[phạm Thành phố](#)
[Hồ Chí Minh](#)
- 20 Nguyễn [Giáo dục kỹ năng](#) GD 189
 Thị Lam, [sống thông qua học](#) Chí
[phần Công dân với](#) nh
 Nguyễn [pháp luật môn](#) trị
 Thị Phụng [Giáo dục Công dân](#)
 Vy [lớp 12 ở một số](#)
[trường trung học](#)
[phổ thông tại](#)
[Thành phố Hồ Chí](#)
[Minh](#)
- 21 Trương Thị [Thiết kế bài tập tri](#) GD 197
 Hoài Hạnh, [giác màu cho trẻ](#) Đặc
[nhìn kém trên phần](#) biệt
 Diệp Mỹ [mềm Unity 5](#)
 Quỳn,

- Tạ Trang
Thanh Tú
- 22 Cao Thị [Ứng dụng mô hình](#) GD **205**
Hiền Hòa, [Reggio Emilia vào](#) Mã
[tổ chức hoạt động](#) m
Phạm Thị [với các vật liệu](#) non
Mỹ Dung, [thiên nhiên cho trẻ](#)
[mẫu giáo tại](#)
[trường mầm non](#)
- Lê Tú
Quỳnh
- 23 Đỗ Thị Mỹ [Thiết kế trò chơi](#) GD **216**
Huyền, [nhằm phát triển](#) Mã
[vốn từ tiếng Anh](#) m
Trần Ngọc [cho trẻ 5-6 tuổi](#) non
Quỳnh
Trâm
- 24 Nguyễn [Xác định tính chất](#) GD **225**
Thị Tuyết [chính trị - xã hội](#) Qu
[của chiến tranh](#) ốc
[trong giai đoạn](#) phò
[hiện nay và ý nghĩa](#) ng
[của vấn đề đối với](#)
[sinh viên ngành](#)
[Giáo dục Quốc](#)
[phòng và An ninh](#)
[Trường Đại học Sư](#)
[phạm Thành phố](#)
[Hồ Chí Minh](#)
- 25 Trần Thanh [Kỹ năng đọc, viết](#) GD **231**
Dư, [tiếng Việt của học](#) Tiể
[sinh lớp 1 dân tộc](#) u
Phan Ngọc [Hoa tại Quận 5.](#) học
Nhưng, [Thành phố Hồ Chí](#)
Nguyễn Lê [Minh: Thực trạng](#)
Thảo [và giải pháp](#)
Quỳnh,
- Huỳnh Kim
Trang
- 26 Bùi [Dạy học Toán cho](#) GD **243**
Nguyễn [học sinh tiểu học](#) Tiể
Bích Thy, [bằng sỏi và hạt](#) u
[đâu](#) học
- Lê Hoàng
Phương
Quỳnh,
- Kiều Anh,
- Lê Thị
Nguyệt,
- 27 Nguyễn Trí [Thực trạng quản lý](#) Kh **253**
Hậu, [hoạt động kiểm tra](#) oa
[đánh giá kết quả](#) học
Lê Hoài [học tập của học](#) GD
Mí, [sinh ở một số](#)

- Trần [trường trung học](#)
Nguyễn [cơ sở Quận 5.](#)
Bích Ngọc [Thành phố Hồ Chí Minh](#)
- 28 Huỳnh Lê [Thực trạng quản lý](#) Kh **261**
Ngọc Hà, [hoạt động dạy học](#) oa
[ở một số trường](#) học
Trần Duy [tiểu học Quận 8](#) GD
Khoa, [Thành phố Hồ Chí Minh theo mô hình](#)
[nhà trường mới](#)
Đương Tấn [\(VNEN\)](#)
Trọng,
- Lê Thị Thu
Ngân,
- Phạm Ngọc
Thảo
- 29 Nguyễn [Xây dựng cảm](#) Tâ **270**
Thị Bích [nang tuyên truyền](#) m lí
Thảo, [nhằm phòng chống](#) học
[bạo lực học đường](#)
Nguyễn [cho học sinh trung](#)
Hoàng [học cơ sở trên địa](#)
Xuân Huy [bàn Thành phố Hồ Chí Minh](#)
- 30 Nguyễn [Thiết kế CD hướng](#) Tâ **281**
Thị Hồng [nghiệp cho học](#) m lí
Thanh, [sinh khiếm thị ở](#) học
[một số trường](#)
Trần Thị [trung học phổ](#)
Mộng Cơ [thông tại Thành phố Hồ Chí Minh](#)
- 31 Danh sách Ban tổ chức Hội **288**
nghị SV NCKH năm học 2015
- 2016
- 32 Danh sách đề tài báo cáo tại **290**
Hội nghị SV NCKH cấp
Trường

năm học 2015-2016